

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

**1. Tên môn học:** NÓI-PARLARE (3)

**2. Số tín chỉ:** 2 (thực hành)

**3. Trình độ:** dành cho sinh viên năm thứ II; thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp.

**4. Phân bổ thời gian:**

Thực hành: 60 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** Muốn học được môn học này, sinh viên cần phải học môn học Tiếng Ý tổng hợp và môn Nói , Nói 2 trước.

**6. Mục tiêu của môn học:** Môn học nhằm ôn tập cho sinh viên những kiến thức đã học trong môn Nói 1, Nói 2 trước đó; cung cấp và xây dựng những kỹ năng mới, thể hiện tất cả những kiến thức, kỹ năng đó qua việc thực hành nói tiếng Ý.

**7. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** sinh viên thực hành Nói tiếng Ý, ôn tập một số kiến thức sinh viên đã thu thập trước đó và học những kiến thức mới, thể hiện kiến thức đó qua kỹ năng Nói. Đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành việc phát âm chính xác các đơn vị ngôn ngữ theo cấp độ nâng dần: từ, ngữ, câu. Đặc biệt cho sinh viên thực hành việc nói các câu trọn vẹn theo đúng ngữ điệu, “nhạc điệu” đặc trưng của tiếng Ý.

**8. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Dự lớp đầy đủ

- Chủ động xung phong thực hành và thực hành theo yêu cầu của giảng viên tại lớp và thực hành theo yêu cầu ở nhà

- Sinh viên nên chuẩn bị các loại máy có chức năng ghi âm để ghi âm những câu do giảng viên thực hành mẫu.

**9. Tài liệu học tập:**

Tiếng Ý

1. T. Marin (1999), *La prova orale*, Edilingua, Milano
2. Một số video các bài hát, một số phim Ý mà giảng viên sưu tầm

**10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên: Sinh viên phải dự học ít nhất 70% thời lượng quy định để được tham gia thi cuối kỳ. Đánh giá sinh viên bằng điểm thi qua 2 kỳ thi và kết quả thực hành tại lớp:**

- Kiểm tra giữa kỳ: 25% tổng điểm

- Thực hành tại lớp: 25% tổng điểm (nhiều hình thức: thuyết trình riêng, nhóm, xung phong thực hiện các bài tập tại lớp...)

- Thi hết môn: 50% tổng điểm

**11. Thang điểm:** thang điểm 10 (mười), điểm đạt là từ 5 trở lên.

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

Số buổi	Nội dung môn học	Số tiết	Nội dung học tập của sinh viên
1	<p>Bài 8 “La prova orale”</p> <p>Xem những hình ảnh, đoán nghề nghiệp của những người trong ảnh</p> <p>Được cung cấp từ vựng về nghề nghiệp</p> <p>Bổ sung từ vựng để nói về tính chất nghề nghiệp</p> <p>Condizionale semplice và cách dùng (giảng viên cho những câu mẫu)</p>		<p>Sinh viên thảo luận nhóm các nội dung:</p> <p>Trong các nghề được giới thiệu, nghề nào là thú vị nhất? Tại sao?</p> <p>Nghề nào khó khăn nhất? Tại sao?</p> <p>Nói về nghề nghiệp của bố mẹ</p> <p>Anh/chị mong ước/dự định sẽ làm nghề gì?</p> <p>Trình bày trước lớp ý kiến của mình</p> <p>Sử dụng “condizionale” ở dạng đơn giản để nói về mong ước nghề nghiệp</p>

2	<p>Bài 9 “La prova orale”: nói về phương tiện giao thông công cộng.</p> <p>Tập sử dụng nhuần nhuyễn các cụm từ trái nghĩa thường sử dụng khi nói về giao thông công cộng:</p> <p>Stare in piedi/seduto</p> <p>Prendere l’autobus/ andare a piedi</p> <p>Salire sull’autobus/ scendere dall’autobus...</p> <p>Từ vựng về giao thông công cộng đô thị, ngoại ô</p> <p>Tình hình giao thông công cộng tại tp.Hồ Chí Minh</p>	5	<p>Thảo luận nhóm với các câu hỏi, sau đó có thể trình bày trước lớp:</p> <p>Usate I mezzi pubblici? Per andare dove? Altrimenti qual’è il mezzo usate di piu’, perche’?</p> <p>Come si fa per comprare biglietti dell’autobus/mezzi pubblici? Costano molto i biglietti?Perche’?</p> <p>Come sono i mezzi pubblici a Hochiminh? Come dovrebbero essere?</p>
3	<p>Bài 10 “La prova orale”: nói về âm nhạc</p> <p>Cung cấp từ vựng về âm nhạc, các loại nhạc, phương tiện nghe nhạc.</p> <p>Sử dụng nhuần nhuyễn các mẫu câu như:</p> <p>Mi piace ascoltare/ non mi piace...</p> <p>Preferisco la musica...</p> <p>So suonare la chitarra/ pianoforte...</p> <p>La sua voce è bella/ bellissima...</p> <p>Ad alto volume...</p>	5	<p>Sinh viên thực hành nói, được sửa ngay phát âm.</p> <p>Phát biểu ý kiến xoay quanh các câu hỏi:</p> <p>Quali generi di musica preferisci? Perche’?</p> <p>Chi sono I vostri artisti preferiti?</p> <p>Comprate molti CD di musica? Quanto costano?</p> <p>Siete mai stati ad un concerto? Parlatene: dove, quando, come...</p>
4	<p>Bài 11 La prova orale: Về thời gian rảnh rỗi</p>		<p>Sinh viên thực hành nói, được sửa ngay phát âm.</p>

	<p>Cung cấp thêm từ vựng và mẫu câu:</p> <p>Giocare con i videogiochi/ giocare a tennis...</p> <p>Trascorrere/passare il tempo libero</p> <p>Andare alla palestra/ andare a bere un caffè...</p> <p>Tập cho sinh viên phát âm đúng, thể hiện tốt “nhạc điệu” câu nói</p>	<p>Thảo luận nhóm với các câu hỏi:</p> <p>Voi avete del tempo libero? Quando di solito?</p> <p>In che modo preferite trascorrere le ore libere della giornata?</p> <p>Ci sono cose che vorreste fare nel tempo libero e non potete? Quali e perché’?</p> <p>È importante avere tempo libero secondo voi?</p>
5	<p>Bài 13 La prova orale: Trang phục và thời trang</p> <p>Cung cấp từ vựng về tên gọi các loại trang phục, từ vựng để bình luận về trang phục, thời trang.</p> <p>Tập làm quen các mẫu câu:</p> <p>Porta una giacca da uomo/ da donna</p> <p>Di stile classico/moderno/sportivo/casual</p> <p>Ti sta molto bene</p> <p>Che taglia porti? Qual’è la tua taglia?</p>	<p>Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp xoay quanh các câu hỏi:</p> <p>Quale stile ti piace di piu’? Perché’?</p> <p>Parlate un po’ dell’abbigliamento tradizionale del Vietnam</p> <p>In quali occasioni il vostro abbigliamento è classico e in quali casual? Perché’?</p>
6	<p>Tiếp theo bài 13</p> <p>Cho xem một số đoạn phim về thời trang Ý, một số cuộc trình diễn thời trang</p> <p>Cung cấp từ vựng cho sinh viên</p>	<p>Sinh viên thảo luận nhóm và trình bày trước lớp xoay quanh các câu hỏi:</p> <p>Voi ingenerere seguite la moda?</p> <p>Avete mai comprato qualcosa</p>

			<p>solo perche' era di moda?</p> <p>Cosa pensate del mondo dell'alta moda?</p>
7	<p>Thi giữa kỳ: trình bày theo nhóm</p> <p>Chủ đề: trang phục truyền thống Việt Nam hoặc của Ý</p>		<p>Sinh viên chuẩn bị trước ở nhà, lên lớp trình bày theo nhóm với powerpoint hoặc các hình ảnh chuẩn bị sẵn</p>
8	<p>Bài 14 “La prova orale”: âm thực</p> <p>Cung cấp từ vựng và giúp sinh viên sử dụng nhuần nhuyễn các mẫu câu như:</p> <p>Il mio piatto preferito è...</p> <p>Fare la dieta/stare a dieta</p> <p>Ha molte calorie</p> <p>Una ricetta tradizionale</p> <p>Mantenere la linea</p> <p>Mangiare sano</p>		<p>Sinh viên thảo luận nhóm và trình bày trước lớp xoay quanh các câu hỏi:</p> <p>Quali sono i tuoi piatti preferiti? Sai come farli?</p> <p>Potete descrivere in breve qualche piatto tipico vietnamita/italiano?</p> <p>Mangi spesso nei fastfood o no? Cosa pensi del Mc Donald?</p> <p>In genere ti piace mangiare fuori casa? Dove e quando?</p>
9	<p>Bài 16 “La prova orale”: thưởng thức phim ảnh và nghệ thuật sân khấu</p> <p>Cung cấp từ vựng và giúp sinh viên sử dụng nhuần nhuyễn các mẫu câu như:</p> <p>Ha vinto il premio Oscar per la regia</p> <p>Andiamo allo spettacolo delle 19</p> <p>In prima/seconda visione</p> <p>Un film a colori/ in bianco e nero</p>		<p>Sinh viên thảo luận nhóm và trình bày trước lớp xoay quanh các câu hỏi:</p> <p>Ti piace andare al cinema? Quando e con chi soprattutto?</p> <p>Come decidi quale film andare a vedere?</p> <p>È importante soprattutto lo scenario, gli attori o altro?</p> <p>Qual'è la differenza tra il</p>

	<p>Un divo/una stella del grande schermo</p> <p>Recitare in un film/ interpretare un ruolo</p> <p>.....</p>		<p>vedere un film al cinema e alla tv? Cosa preferisci?</p> <p>Tiếp tục về nhà tìm hiểu về chủ đề để thảo luận các câu hỏi khác</p>
10	<p>Tiếp theo bài 16 “La prova orale”</p> <p>Giúp sinh viên thảo luận tiếp một số câu hỏi quanh chủ đề thưởng thức điện ảnh và nghệ thuật sân khấu</p> <p>Cung cấp thêm từ vựng cho sinh viên</p> <p>Tập trung sửa phát âm ở cấp độ ngữ/câu</p>		<p>Các câu hỏi:</p> <p>Che ne pensi del cinema moderno/americano? È vero che è molto commerciale, con troppi effetti speciali e tante scene di violenza?</p> <p>Cosa sai del cinema italiano (attori, registi...)? Ricordi qualche bel film italiano, magari degli ultimi anni?</p>
11	<p>Tổng kết:</p> <p>Nghe và ghi nhận những ý kiến của sinh viên chung quanh khoá học: về kiến thức, phương pháp, không khí...</p> <p>Nhận xét về những điểm mạnh, yếu của sinh viên khi học Nói</p>		<p>Nêu ý kiến về khoá học</p> <p>Tiếp nhận và thảo luận, phản hồi những ý kiến nhận xét của giảng viên</p>
12	<p>Ôn tập cuối khoá</p> <p>Ôn tập chung các kiến thức ngữ pháp, nhắc về kiến thức từ vựng</p> <p>Giúp sinh viên về việc thực hành nói các mẫu câu theo đúng giọng điệu bản xứ</p>	5	

TP. Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm 2013

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**ThS.Hồ Hồng Ân**

